TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 02/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 09 - 3-2022.
" Tranh chấp về ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ– LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan và bà Trịnh Thị Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2021 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/QĐXX-ST ngày 11/02/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn Nam Lạng, xã Trực Tuấn, huyện T, tỉnh Nam Định. "Có đơn xin vắng mặt"

* Bị đơn: Anh Phạm Xuân T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn Bình Hòa, xã Đạ Pal, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có đơn xin vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2021 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L quen và tìm hiểu với anh Phạm Xuân Tuân trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau, sau đó đến ngày 01/7/2020 hai bên đi đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Trực Tuấn, huyện T, tỉnh Nam Định. Vợ chồng anh chị sống chung hạnh phúc được gần hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Đến ngày 17/8/2020 vợ

chồng anh chị mâu thuẫn nên tự ly thân không sống chung với nhau, chị Trần Thị L trở về Nam Định sống cùng bố mẹ đẻ và từ đó cho đến nay vợ chồng không liên lạc và không còn sự yêu thương như trước đây. Do tình cảm đã hết nên chị Lê đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Xuân T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung nên không yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân T tự nguyện quen và tìm hiểu với chị Trần Thị Lê một thời gian ngắn, sau đó đến ngày 01/7/2020 hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trực Tuấn, huyện T, tỉnh Nam Định. Vợ chồng anh chị không hạnh phúc, mâu thuẫn nên anh chị tự ly thân không sống cùng nhau từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Do đó, nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nên anh Tuân đồng ý ly hôn và không có ý kiến gì.

Về con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung nên không yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án như sau:

+ Thủ tục tố tụng:Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và đều đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị L đề nghị xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Phạm Xuân T vì tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung, tài sản và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết; Án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, Viện kiểm sát không kiến nghị gì về việc thụ lý, giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị L có đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Phạm Xuân T, trú tại thôn Bình Hòa, xã Đạ Pal, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, việc xác định tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Qúa trình tố tụng và tại phiên tòa chị Trần Thị L và anh Phạm Xuân T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L đề nghị ly hôn đối với anh Phạm Xuân T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L kết hôn với anh Phạm Xuân Tuân từ ngày 01/7/2020 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Trực Thắng, huyện T, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Do vậy quan hệ nhân của anh chị xác lập là hoàn toàn hợp pháp.

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị L và anh T đã xảy ra mâu thuẩn, bất đồng quan điểm và không mang lại hạnh phúc cho nhau. Qúa trình giải quyết vụ án anh chị đều không mong muốn hòa giải đoàn tụ và đề có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải để giải quyết ly hôn vắng mặt.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng chị L không mang lại hạnh phúc và lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị L và anh T chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: Vợ chồng anh chị không nợ ai.

[5] Án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 150, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị L đề ngày 27/4/2021

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Phạm Xuân T.

2.Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000326 ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo nội dung bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;*
- *Thi hành án;*
- *Lưu.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Loan **Trịnh Thị Thủy** **Nguyễn Thị Mỹ Diễm**